

Bản án số: 01/2017/HC-PT

Ngày 10-11- 2017

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi

Tiền hoàn thuế GTGT

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn

Ông Trương Công Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 164/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định thu hồi hoàn thuế giá trị gia tăng*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164B/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quang H, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty; ông H có mặt.

Địa chỉ: đường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Người bị kiện: Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Văn K, Phó Cục trưởng cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế; ông K có mặt.

Địa chỉ: đường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người kháng cáo: Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên K (gọi tắt là Công ty Khoáng sản) và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành thanh tra Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên K và ban hành Kết luận thanh tra số 1190/KL-TTr ngày 25/12/2012 với nội dung: Việc hoàn thuế GTGT đầu vào khi xuất khẩu các sản phẩm từ năm 2009 đến tháng 06 năm 2011 gần 18 tỷ đồng là sai quy định của Nhà nước và buộc truy thu toàn bộ số tiền này. Không đồng ý với Kết luận thanh tra nói trên, Công ty TNHH NN MTV K đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và đã được UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 1 theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 và lần 2 theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 với nội dung yêu cầu Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế không truy thu thuế GTGT của Công ty TNHH NN MTV K vì chưa có Nghị định, Thông tư quy định hướng dẫn cụ thể.

Đến ngày 13/10/2016, Bộ Tài chính có Công văn số 14449/BTC-TCT về việc xử lý hoàn thuế GTGT đối với Công ty TNHH NN MTV K trong đó có nêu Kết luận Thanh tra số 2386/KL-TTCP ngày 16/9/2016 của Thanh tra Chính phủ buộc truy thu của Công ty TNHH NN MTV K.

Ngày 20/12/2016, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 6312/QĐ-CT về việc thu hồi tiền hoàn thuế GTGT đã hoàn cho Công ty TNHH NN MTV K số tiền là 21.086.000.000 đồng theo Kết luận Thanh tra số 2386/KL-TTCP ngày 18/9/2016 của Thanh tra Chính phủ.

Căn cứ vào Khoản 12 Điều 3 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ, khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ, Thông báo số 293/TB-VPC ngày 28/8/2015 của Văn phòng Chính phủ, Công văn số 5618/VPCP-KTTH ngày 07/7/2016 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 8227/BCT-CNNg ngày 05/9/2016 của Bộ Công Thương, Công ty TNHH NN MTV K nhận thấy việc thu hồi hoàn thuế GTGT của Cục trưởng Cục Thuế Thừa Thiên Huế căn cứ vào Kết luận Thanh tra Chính phủ là không đúng pháp luật.

Do đó, Công ty đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế hủy Quyết định số 6312/QĐ-CT ngày 20/12/2016 về việc thu hồi tiền hoàn thuế GTGT và chấp thuận cho Công ty được thực hiện theo Quyết định xử lý khiếu nại lần 2 số

207/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện - Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế có quan điểm như sau:*

Việc Cục thuế Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 6312/QĐ-CT ngày 20/12/2016 về việc thu hồi tiền hoàn thuế GTGT với Công ty TNHH NN MTV K là chấp hành các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền dựa vào các cơ sở pháp lý sau:

1. Kết luận số 2386/KL-TTCP ngày 16/9/2016 của Thanh tra Chính phủ đối với Công ty TNHH NN MTV K;

2. Công văn số 9833/VPCP-V.I ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc kết luận thanh tra đối với Bộ Tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế thành phố Hà Nội.

3. Công văn số 14449/BTC-TCT ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc Thuế GTGT đối với tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu.

4. Công văn số 49/TCT-TTr ngày 05/01/2017 của Tổng cục thuế về việc triển khai thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ.

5. Công văn số 41/TCT-CS ngày 05/01/2017 của Tổng cục thuế về việc thuế GTGT đối với tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu.

6. Công văn số 7377/UBND-DN ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tổ chức thực hiện xử lý thuế GTGT đối với tài nguyên khoáng sản xuất khẩu và kết luận thanh tra.

7. Công văn số 7792/UBND-KNNV ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thực hiện Công văn số 9833/VPCP-V.I ngày 15/11/2016 của Văn phòng Chính phủ.

8. Công văn số 584/UBND-KNNV ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tiếp tục thực hiện Kết luận thanh tra số 2386/KL-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

Do đó, Cục thuế Thừa Thiên Huế không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH NN MTV K là hủy Quyết định số 6312/QĐ-CT ngày 20/12/2016 về việc thu hồi tiền hoàn thuế GTGT.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32, điểm b Khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính;

Áp dụng Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 8 Điều 2

Luật Khiếu nại; khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính;

Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà Nước Một thành viên K.

2. Hủy toàn bộ Quyết định số 6312/QĐ-CT ngày 20/12/2016 của Cục thuế Thừa Thiên Huế về việc thu hồi tiền hoàn thuế GTGT.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/7/2017, Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế có đơn kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự.

- Việc tuân theo của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015 về phiên tòa hành chính phúc thẩm. Bảo đảm nguyên tắc xét xử phúc thẩm, tạo điều kiện cho các đương sự trình bày ý kiến của mình khách quan và dân chủ.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 55, 56, 57, 60 và Điều 61 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức của quyết định:

Quyết định số 6312/QĐ-CT ngày 20/12/2016 của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế về việc “Thu hồi tiền hoàn thuế GTGT” đối với Công ty TNHH NN MTV K được ban hành đúng thẩm quyền của Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế phù hợp quy định Luật quản lý thuế, luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý

thuế; Quyết định số 108/2010/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế.

Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế đã căn cứ vào Kết luận số 2386/KL-TTTP ngày 16/9/2016 của Thanh tra chính phủ đối với Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản TT Huế là không đúng quy định về căn cứ pháp lý ban hành văn bản bởi vì quyết định của Thanh tra không phải là quyết định hành chính, không phải văn bản quy phạm pháp luật để làm căn cứ ban hành quyết định hành chính theo quy định tại Điều 4 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

[2.2] *Về nội dung quyết định:*

[2.2.1] Cục trưởng Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng căn cứ vào khoản 23 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định đối tượng không chịu thuế là “*Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến theo quy định của Chính phủ*”; Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính Phủ quy định đối tượng không chịu thuế là “*Tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến quy định tại khoản 23 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng là những tài nguyên, khoáng sản chưa được chế biến thành sản phẩm khác*”. Hơn nữa, Bộ Công Thương có Công văn số 6204/BCT-CNNg ngày 25/6/2010 có ý kiến về sản phẩm êmêhít có hàm lượng $TiO_2 \geq 52\%$, Zircon, Monazite, Rutile là tài nguyên, khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác và thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, Quyết định số 6312/QĐ-CT ngày 20/12/2016 về việc thu hồi tiền hoàn thuế GTGT với Công ty TNHH NN MTV K là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2] *Xét kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế, hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:*

Theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013: “*Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.*”

Bộ tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản này”.

Tuy nhiên, đến ngày 01/7/2016 thì Chính phủ mới ban hành Nghị định số 100/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.

Trong khoảng thời gian từ năm 2009-2011 và từ ngày 1/3/2012 đến ngày 18/12/2013 thì:

Theo quy định tại khoản 6 điều 1 Nghị định 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 sửa đổi bổ sung khoản 12 Điều 3 Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 8/12/2008 của Chính phủ và khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT quy định đối tượng không chịu thuế như sau:

“6”. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 điều 3 như sau:

“12. Tài nguyên, khoáng sản chưa qua chế biến quy định tại khoản 23 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng là những tài nguyên, khoáng sản chưa được chế biến thành sản phẩm khác.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản này.”

Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP:

“11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành phẩm khác.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản này”.

Tuy nhiên, theo Nghị định trên thì Bộ Tài chính phải chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn Danh mục khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác, nhưng cho đến trước ngày Thanh tra Chính phủ ban hành kết luận số 2386/KT-TTCP ngày 16/9/2016 thì Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành Danh mục sản phẩm khác nên cũng phải chờ Bộ Tài chính quy định danh mục này.

Mặc khác, xem xét hồ sơ hoàn thuế, TTCC tại Kết luận số 2386 (trang 14 BL số 31) thì: Tại Công văn số 6204/BCT-CNNg ngày 25/6/2010 của Bộ Công Thương trả lời Tổng cục Thuế, Bộ Công Thương khẳng định: *“Trong các sản phẩm đã qua chế biến thì xỉ titan là sản phẩm thu được từ quá trình hoàn nguyên tinh quặng ilmenite. Với quy trình công nghệ và sản phẩm thu được như trên có thể xác định xỉ titan là sản phẩm đã qua chế biến thành sản phẩm khác. Các sản phẩm còn lại gồm tinh quặng ilmenite, zircon, monazite và rutile là sản phẩm đã qua chế biến nhưng chưa chế biến thành sản phẩm khác và thuộc đối tượng không chịu thuế VAT”*.

Ngày 12/4/2016, BTC có Công văn số 5046/BTC-TCT xin ý kiến các bộ (Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ) để xác định 04 sản phẩm trên. Các bộ có ý kiến trả lời (Văn bản số 3502/BKHDT-KTCN ngày

10/5/2016 và Công văn số 1504/BKHCN-CNN ngày 22/4/2016) 04 loại khoáng sản Ilmenite, zircon, monazite, rutile mới chỉ là quá trình sơ chế, tuyển làm giàu khoáng sản đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất. Do vậy, các sản phẩm nêu trên là tài nguyên, khoáng sản chưa được chế biến thành sản phẩm khác và khi xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, không áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

Như vậy, việc hoàn thuế GTGT đầu vào của CTH cho Công ty TNHH NN MTV 21.086 triệu đồng là sai quy định.

Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế cho rằng Công văn số 14449/BTC-TCT ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc thuế GTGT đối với tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu (BL- 34) là một trong các căn cứ để ban hành Quyết định số 6312/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi tiền hoàn thuế GTGT đối với Công ty TNHH NN MTV K (BL-07) là chưa đủ căn cứ.

Tại Kết luận số 2386/KL-TTCTP của Thanh tra Chính phủ (BL-29 và 43) không căn cứ vào nội dung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật mà lại căn cứ vào các ý kiến tại các Công văn của các Bộ, Ngành Trung ương để kết luận là không có cơ sở vững chắc mà Cục thuế TT-Huế đã căn cứ vào Kết luận số 2386/KL-TTCTP ngày 16/9/2016 của Thanh tra chính phủ để buộc Công ty TNHH NN MTV K hoàn tiền thuế GTGT từ năm 2009-2011 là không phù hợp với quy định tại điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo ý kiến của Kiểm Sát Viên tại phiên tòa.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế, giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 07/HC-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng: Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 8 Điều 2

Luật Khiếu nại; khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính;

Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà Nước Một thành viên K.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 6312/QĐ-CT ngày 20/12/2016 của Cục thuế Thừa Thiên Huế về việc thu hồi tiền hoàn thuế Giá trị gia tăng.

2. Về án phí hành chính: Cục trưởng Cục thuế Thừa Thiên Huế phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 005305 ngày 13/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tấn Hoàng